

CÔNG TY TNHH TM-DV-XNK-QT-TRUNG ANH MINH

CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH TM-DV-XNK-QT-TRUNG ANH MINH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TRUNG ANH MINH-TM-DV-XNK-QT COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0202240822

3. Ngày thành lập: 07/05/2024

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 458 Lạch Tray, Phường Đằng Giang, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Điện thoại: 0865525396

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
2.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
3.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
4.	Bán mô tô, xe máy	4541
5.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543
6.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (không bao gồm thực vật và động vật bị cấm theo quy định của Luật đầu tư, trừ động vật quý hiếm và động vật hoang dã)	4620
7.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
8.	Bán buôn thực phẩm	4632
9.	Bán buôn đồ uống	4633
10.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634
11.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
12.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Trừ đồ chơi, trò chơi nguy hiểm, đồ chơi, trò chơi có hại tới giáo dục nhân cách và sức khỏe của trẻ em hoặc tới an ninh, trật tự an toàn xã hội, không bao gồm mặt hàng nhà nước cấm)	4649
13.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
14.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
15.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
16.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659

Thời gian đăng từ ngày 08/05/2024 đến ngày 07/06/2024

17.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
18.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (không bao gồm vàng miếng)	4662
19.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
20.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (trừ các loại phế liệu nhập khẩu gây ô nhiễm môi trường, không bao gồm các mặt hàng nhà nước cấm)	4669(Chính)
21.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu (trừ dịch vụ pháp lý, dịch vụ lấy lại tài sản, hoạt động đấu giá độc lập, hoạt động Nhà nước cấm)	8299
22.	Bán buôn tổng hợp (không bao gồm mặt hàng nhà nước cấm)	4690
23.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
24.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc lào trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
25.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ (không bao gồm các mặt hàng nhà nước cấm)	4789
26.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (trừ mặt hàng Nhà nước cấm) Chi tiết: Bán lẻ những mặt hàng doanh nghiệp đã đăng ký kinh doanh theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet	4791
27.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (không bao gồm các mặt hàng nhà nước cấm)	4799
28.	Vận tải hàng hóa đường sắt	4912
29.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
30.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012
31.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
32.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
33.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221
34.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
35.	Bốc xếp hàng hóa	5224
36.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
37.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (không bao gồm dịch vụ vận chuyển hàng không và kinh doanh hàng không chung)	5229
38.	Bưu chính (trừ chuyển khoản, tiết kiệm và chuyển tiền bưu điện)	5310
39.	Chuyển phát (không bao gồm chuyển tiền, ngoại tệ)	5320
40.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu (không bao gồm sản xuất mặt hàng Nhà nước cấm)	3290

